

PHÁP LỆNH

TRỌNG TÀI KINH TẾ

Để bảo đảm hiệu lực của chế độ hợp đồng kinh tế, góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động kinh tế;

Căn cứ vào các Điều 34, 100 và 107 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định tổ chức Trọng tài kinh tế và tổ tụng trọng tài kinh tế.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Trọng tài kinh tế là cơ quan giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế và thực hiện quản lý Nhà nước về chế độ hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi chức năng của mình, Trọng tài kinh tế giữ vững kỷ luật hợp đồng kinh tế, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, đề cao trách nhiệm của các bên trong quan hệ kinh tế.

Bằng hoạt động của mình, Trọng tài kinh tế tác động tích cực đến các đơn vị kinh tế, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội nhằm duy trì, phát triển các quan hệ kinh tế, đẩy mạnh sản xuất lưu thông hàng hoá, phòng ngừa vi phạm pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động kinh tế.

Điều 2

Trọng tài kinh tế có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, kết luận và xử lý các hợp đồng kinh tế trái pháp luật;
- Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế;
- Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế.

Trọng tài kinh tế có thể được giao nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi cần thiết.

Điều 3

Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế, Trọng tài viên chỉ tuân theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về các quyết định của mình. Không

một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài viên.

Điều 4

Trọng tài kinh tế giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng kinh tế có tranh chấp, các quy định của pháp luật hợp đồng kinh tế và các quy định pháp luật khác có liên quan, theo nguyên tắc thương lượng để thoả thuận phù hợp với pháp luật. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được hoặc thoả thuận trái pháp luật thì Trọng tài kinh tế quyết định.

Điều 5

Các bên tranh chấp bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng trọng tài kinh tế.

Các bên tranh chấp tự mình hoặc thông qua đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bằng tranh luận và chứng minh trước Trọng tài kinh tế.

Các bên tranh chấp có quyền nhờ luật sư hoặc người khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; có quyền dùng tiếng nói, chữ viết thông dụng của mình và người phiên dịch trong tố tụng trọng tài kinh tế.

Điều 6

Quyết định của trọng tài kinh tế có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký; các đương sự phải nghiêm chỉnh thi hành; các đơn vị kinh tế, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi cá nhân phải tôn trọng.

Các đơn vị kinh tế, cơ quan, tổ chức hữu quan, theo chức năng của mình có trách nhiệm thi hành quyết định của Trọng tài kinh tế.

Quyền kháng cáo quyết định của Trọng tài kinh tế được bảo đảm.

Quyết định của Trọng tài kinh tế được xem xét lại khi có kháng cáo, khi phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc khi có tình tiết mới được phát hiện.

Điều 7

Cùng với việc ra quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế, Trọng tài kinh tế gửi thông báo yêu cầu đơn vị kinh tế, cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp cần thiết để khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh vi phạm pháp luật tại đơn vị, cơ quan, tổ chức đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, đơn vị kinh tế, cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời cho Trọng tài kinh tế biết biện pháp được áp dụng.

Điều 8

Trọng tài kinh tế phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hữu quan nghiên cứu và thực hiện các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong quan hệ kinh tế.

TỔ CHỨC TRỌNG TÀI KINH TẾ

Điều 9

Tổ chức trọng tài kinh tế gồm có:

- 1- Trọng tài kinh tế Nhà nước;
- 2- Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;
- 3- Trọng tài kinh tế huyện, quận và cấp tương đương.

Trọng tài kinh tế Nhà nước chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Hội đồng bộ trưởng.

Trọng tài kinh tế địa phương chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời chịu sự chỉ đạo, giám sát của Trọng tài kinh tế cấp trên.

Điều 10

Trọng tài kinh tế gồm có Chủ tịch, một hoặc hai Phó chủ tịch và các Trọng tài viên.

Chủ tịch Trọng tài kinh tế lãnh đạo cơ quan Trọng tài kinh tế và làm nhiệm vụ Trọng tài viên, khi cần thiết.

Phó chủ tịch Trọng tài kinh tế giúp Chủ tịch Trọng tài kinh tế theo sự phân công của Chủ tịch và làm nhiệm vụ Trọng tài viên, khi cần thiết.

Trọng tài viên có nhiệm vụ giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế.

Trọng tài viên phải là người có phẩm chất chính trị, liêm khiết công minh, có kiến thức pháp lý và quản lý kinh tế cần thiết.

Điều 11

Trọng tài kinh tế Nhà nước, Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương thành lập Hội đồng trọng tài viên làm nhiệm vụ tư vấn cho Chủ tịch Trọng tài kinh tế cùng cấp trong việc lãnh đạo hoạt động của cơ quan Trọng tài kinh tế.

Hội đồng trọng tài viên gồm có Chủ tịch, các Phó chủ tịch Trọng tài kinh tế và một số Trọng tài viên do Chủ tịch Trọng tài kinh tế chỉ định.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI KINH TẾ CÁC CẤP

MỤC I

TRỌNG TÀI KINH TẾ NHÀ NƯỚC

Điều 12

Trọng tài kinh tế Nhà nước là cơ quan Trọng tài kinh tế cao nhất giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế ; chỉ đạo, hướng dẫn Trọng tài kinh tế các cấp áp dụng đúng đắn và thống nhất pháp luật trong tổ tụng trọng tài kinh tế ; hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế ; tổng kết thực tiễn công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế ; xây dựng các dự án pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế.

Điều 13

Trọng tài kinh tế Nhà nước có thẩm quyền:

- 1- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế theo yêu cầu của các bên mà phần tranh chấp có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; trong trường hợp một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì không giới hạn giá trị tranh chấp;
- 2- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế giữa các bên không cùng ở trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương mà phần tranh chấp có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên và các bên chưa đề cập đến việc yêu cầu Trọng tài kinh tế khác giải quyết;
- 3- Kiểm tra, kết luận và xử lý hợp đồng kinh tế vô hiệu toàn bộ hoặc từng phần do tự phát hiện hoặc theo yêu cầu của các đơn vị kinh tế, cơ quan, tổ chức hữu quan, của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;
- 4- Xét kháng cáo quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương; đối với kháng cáo quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước thì do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước xét;
- 5- Giám sát quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế hoặc xét kháng cáo của Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương. Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước giám sát quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước;
- 6- Xem xét lại quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương khi có tình tiết mới được phát hiện; đối với quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước thì do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước xem xét.

Điều 14

Hội đồng Trọng tài viên của Trọng tài kinh tế Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Tham gia ý kiến với Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước về các chủ trương, biện pháp tổ chức hoạt động của Trọng tài kinh tế, về các dự án pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế;
- 2- Theo yêu cầu của Chủ tịch trọng tài kinh tế Nhà nước, tham gia ý kiến về việc xét kháng cáo, giám sát các quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước, của Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương và cấp tương đương;

3- Theo đề nghị của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước, tham gia ý kiến về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế.

Điều 15

Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Phó chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước, Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước.

MỤC II

TRỌNG TÀI KINH TẾ TỈNH, THÀNH PHỐ

TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ CẤP TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 16

Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có thẩm quyền:

1- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế theo yêu cầu của các bên, không phụ thuộc vào giá trị của phần hợp đồng kinh tế có tranh chấp; trong trường hợp một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì các bên có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng hoặc Trọng tài kinh tế tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng giải quyết;

2- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế khi các bên chưa đề cập đến việc yêu cầu trọng tài kinh tế khác giải quyết trong các trường hợp sau đây:

a) Các bên không cùng ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương thì Trọng tài kinh tế cấp tỉnh của bên bị khiếu nại giải quyết, nếu giá trị phần tranh chấp dưới 200 triệu đồng;

b) Các bên ở cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương nhưng không cùng một huyện, quận hoặc cấp tương đương và các bên ở cùng một huyện chưa có Trọng tài kinh tế.

3- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế do Trọng tài kinh tế Nhà nước ủy quyền;

4- Kiểm tra, kết luận và xử lý hợp đồng kinh tế vô hiệu toàn bộ hoặc từng phần do tự phát hiện hoặc theo yêu cầu của các đơn vị kinh tế, cơ quan, tổ chức hữu quan, của Ủy ban nhân dân huyện, quận và cấp tương đương;

5- Xét kháng cáo quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài kinh tế huyện, quận và cấp tương đương;

6- Giám sát quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài kinh tế huyện, quận và cấp tương đương;